



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

Trần
Last

Hiên
Middle

Toán
First

Current Address: 446 Quang Trung, Xuân Hòa - Xuân Lộc, Đồng Nai

Date of Birth: 9-19-49 Place of Birth: Bình Định

Previous Occupation (before 1975) Sergeant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From _____ To _____

Years: _____ Months: _____ Days: 7

3. SPONSOR'S NAME:

F. V. P. P. A

Name

(see above)
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 1-19-89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Trần Hiền Toàn
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Minh Dung	14-12-58	wife
Trần Lê Ngọc Khôi	7-5-82	son
" Thanh Long	25-5-84	"
" Ngọc Thúy Trâm	4-12-87	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

A- PERSONAL IDENTIFICATION.

Full name : **TRAN HIEN TOAN.**Date and place of birth : 19-09-1949 - **Bình Định.**Permanent address : **Số 446 Quang Trung - Xuân Hòa - Thị trấn Xuân lộc - Dongnaf.**Education : **12**Religion : **Công Giáo.**Nationality : **Việt-Nam.**Duration of service in the ARVN : **1968 - 1975.**Rank : **Trung sĩ /** Serial number : **67/403519**Position : **Thông dịch viên.**

Unit designation :

- Sư đoàn 4 Bộ binh Hoa-Kỳ.
- MACV/MAT II - 7 Bình Định Province
- Liên đoàn 333 Yểm trợ trực tiếp.

Name of supervisor : **Trung Tá Phạm-Xuân-Mai.**Name of advisor : **Cpt Coolidge (4th INF Division).**

LT PARDEN

LT DELON

MACV/Bình Định province.

LT WILLYX

B - MILITARY TRAINING IN THE ARVN:

- Trung tâm huấn luyện Quang-Trung.
- Trường sinh ngũ Quân-đội.
- Tâm lý chiến dân sự vụ Quân Đoàn II - Quân khu 2.
- Trường Truyền tin Vũng Tàu.

C- CONFINED IN RE-EDUCATION CAMP:

D- RELATIVE ACCOMPANYING ME TO THE USA.

<u>NAME</u>	<u>D.O.B.</u>	<u>P.OB.</u>	<u>Sex</u>	<u>RELATIONSHIP.</u>
NGUYEN THI MINH DUNG	14-12-1956	Phan Rang	NỮ	Vợ.
TRAN LE NGOC KHOI	7-05-1982	Saigon	Nam	con
TRAN THANH GANG	25-5-1984	Xuân lộc	Nam	con
TRAN NGOC THUY TRAM	4-12-1987	Xuân lộc	NỮ	con.

E - RELATIVE IN THE USA.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>ADDRESS.</u>
-------------	---------------------	-----------------

F - REFERENCE.

Signature

Date. 26-7-88

*Loan**TRAN HIEN TOAN*

Ủy Ban Quân Quản
Thị Xã Long Khánh

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập

Số

ICN



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO

Họ và tên thật

Thân Hiền Đoàn

Tên thường gọi

Ngày sinh

1940

Quê quán

Huân Nhơn - tỉnh Vĩnh

Chỗ ở hiện tại

Số 2 khu 2 phường
Huân Nhơn

Số căn cước

Cấp bậc

Trung tá

Chức vụ công khai

C. V. Quân nhân

Bình chủng

Phục vụ

Chức vụ bí mật

Đơn vị

Đ. 953 / Y.T. Trục Trục

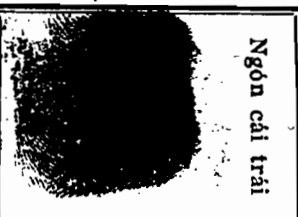
ĐÃ HỌC TẬP

07

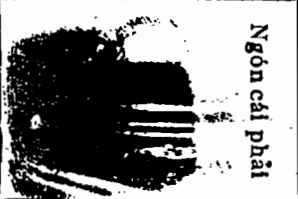
NGÀY TẠI

Phường Huân

trên địa phương



Ngon cái trái



Ngon cái phải

NHẬN DẠNG: Cao 1m 60 Nặng kg
Dấu riêng: Sơ đơn bìn má phải.

Long Khánh, ngày 10 tháng 11 năm 1975

TM. ỦY BAN QUẢN QUẢN
Phòng An Ninh Nội Chính

[Handwritten signature]

NGUYỄN THANH HẢI

- CHÚ Ý :
- Khi về phải xuất trình này chứng nhận này cho địa phương.
 - Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng.
 - Luôn luôn chịu sự giáo dục của chính quyền, nhân dân địa phương và tự học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.
 - Phải phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương.

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số

Quyển số

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 17 tháng 6 năm 1981

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

PHÓ CHỦ TỊCH NỘI CHÍNH



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã HT3/P3

Xã, Thị trấn Xuân Lộc
Thị xã, Quận Xuân Lộc
Thành phố, Tỉnh Đồng NaiBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố R 1990
Quyển số 02

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>TRẦN - LÊ - NGỌC - KHÔI</u>		Nam, nữ <u>NAM</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>07 - Tháng 05 năm 1982</u>		
Nơi sinh	<u>Bệnh - viện NHÂN DÂN - Gia - Định</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>TRẦN - HIÊN - TOÀN</u> <u>Sinh ngày 19 - 9 - 1949</u>	<u>NGUYỄN - THỊ - MINH - JUNG</u> <u>Sinh ngày 14 - 12 - 1958</u>	
Dân tộc	<u>KINH</u>	<u>KINH</u>	
Quốc tịch	<u>VIỆT - NAM</u>	<u>VIỆT - NAM</u>	
Nghề nghiệp	<u>Lâm Rẫy</u>	<u>Lâm Rẫy</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Số nhà 421 Quốc lộ Trung</u> <u>Ấp Xuân Hòa Xuân Lộc Đồng Nai</u>	<u>Ấp 3 Xuân Hòa</u> <u>Xuân Lộc Đồng Nai</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>TRẦN - HIÊN - TOÀN</u> <u>Số nhà 421</u> <u>Khu Xuân Hòa</u> <u>Xuân Lộc - Tỉnh Đồng Nai</u> <u>CMND số 270573002</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 9 năm 1982
TM/UBND T.M. Ký tên đóng dấuĐã ký ngày 19 tháng 5 năm 1982
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn Xuân Lạc

Thị xã, Quận Xuân Lạc

Thành phố, Tỉnh Đồng Nai

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 325

Quyển số 04

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	TRẦN THANH LANG		Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng, năm	25 tháng 5 năm 1984		
Nơi sinh	Bệnh viện Xuân Lạc		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	TRẦN HIỀN TÔN 19-09-1949	NGUYỄN THỊ MINH DUNG 14-12-1958	
Dân tộc	KINH	KINH	
Quốc tịch	VIỆT NAM	VIỆT NAM	
Nghề nghiệp	lâm rẫy	lâm rẫy	
Nơi ĐKKK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	TRẦN HIỀN TÔN Số nhà 421, Khu Xuân Hòa, Xuân Lạc, Đồng Nai CMND số 270573002		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

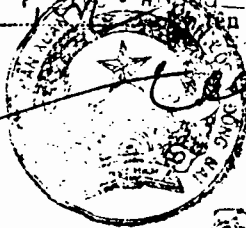
Đã ký ngày 13 tháng 05 năm 1984

Ngày 24 tháng 6 năm 1984

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/UBND

Tên đồng dấu

TÊN
CÁN LỘC

THỦ KÝ

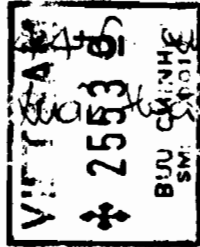
Ký tên

MGM HTS/PB

Quyền số 05

Dr. M.

FR. TRẦN - HIỀN - TOÀN



Khang-Trung
- Xuân Lộc - Sông Núi
Việt Nam



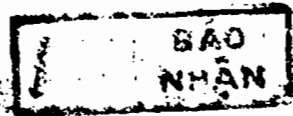
To: MRS KHUỐC - MINH - THỦ

P.O. Box 5453

ARLINGTON

VA 22205.0835

AUG 11 1983



U.S. A

PAR AVION

C O N T R O L

☐ Card
☐ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☒ Computer
☒ Form "D"
☒ ODP/Date
☒ Membership; Letter ✓ N 1-20-89